TUẦN 18 - ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

Hệ thống hoá các kiến thức về đặc điểm tự nhiên các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên.

2. Kĩ năng :

Rèn luyện các kĩ năng đọc phân tích lược đồ, biểu đồ, bảng thống kê số liệu, đọc đoạn văn ngắn.

3. Thái độ:

Sự siêng năng chịu khó và cần cù trong học tập.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 9 (2021-2022)

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Vị trí tiếp giáp của vùng Đồng bằng sông Hồng:

A. Trung Du và miền núi Bắc Bộ. C. Vịnh Bắc Bộ.

B. Bắc Trung Bộ. D. Tất cả đều đúng.

Câu 2: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là?

A. Bắc Trung Bộ. C. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3: Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển con người của thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là

A. sử dụng hợp lí nguồn lao động. C.Nâng cao chất lượng cuộc sống.

B. Giảm tỉ lệ gia tăng dân số. D.Tăng tuổi thọ trung bình.

Câu 4: Trong cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế, lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng lên nhanh, nguyên nhân chủ yếu do?

A. Hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực.

B. Nâng cao chất lượng nguồn lao động.

C.Chính sách công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

D.Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Câu 5: Các mỏ dầu khí của nước ta được phát hiện và khai thác chủ yếu ở

A. Vùng biển thuộc quần đảo Hoàng Sa.

B. Ven các đảo thuộc vịnh Bắc Bộ.

C.Vùng thềm lục địa phía Nam.

D.Vùng biển ven các đảo, quần đảo.

Câu 6: Vai trò quan trọng nhất của giao thông vận tải nước ta là?

A. Đào tạo và nâng cao trình độ lao động trong nước.

B. Thực hiện các mối liên kết kinh tế trong nước và ngoài nước.

C.Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị lớn để xuất khẩu.

D. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, ổn định.

Câu 7: Nước ta có nhiều nét tương đồng trong văn hóa phương Đông nên thị trường buôn bán với nước ta là

A. Liên minh châu Âu.

B. Thị trường Bắc Mỹ.

C.Thị trường Nam Mĩ.

D.Khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 8: Ngành có tỉ trọng xuất khẩu lớn nhất năm 2002 là:

A. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

B. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

C.Hàng nông, lâm, thủy sản.

D.Hàng tiêu dùng và gia dụng khác.

Câu 9: Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội trở thành hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta trước hết là nhờ:

A. Có số dân đông nhất.

B. Có nhiều điểm tham quan du lịch

C. Có ngành công nghiệp đa dạng nhất

D. Cả 3 yếu tố trên.

Câu 10: Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ?

A. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.

B.Giao thông vận tải phát triển.

C. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế

D. Nền kinh tế phát triển năng động.

Câu 11: Loại hình bưu chính viễn thông nào phát triển nhanh nhất hiện nay?

A. Điện thoại cố định

B. Điện thoại di động

C. Internet

D. Truyền hính cáp

Câu 12: Quốc lộ 1A là quốc lộ:

A. Chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

B. Chạy từ Lạng Sơn đến TP. Hồ Chí Minh.

C. Chạy từ Hà Giang đến Cà Mau.

D. Chạy từ Hà Giang đến Hà Nội.

Câu 13: Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác hải sản là:

A. Ninh Thuận, Bình Thuận, Long An, Quảng Ninh.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

C. Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, Ninh Thuận.

D. Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận.

Câu14: Sa mạc hóa ở Việt Nam

A. Ninh Thuận.

B. Bình Thuận

C. Cả A,B đúng

D. Cả A,B sai

Câu 15: Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ gặp khó khăn:

A.Gió Lào, lũ lụt

B.Đất xấu

C. Sa mạc hóa

D. Cả A,B,C đúng

Câu16: Duyên Hải Nam Trung Bộ có thế mạnh nào?

A.Trồng hoa quả

B. Chăn nuôi gia súc

C. Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản

D. C ả A,B,C đúng.

Câu 17: Vào mùa hạ có hiện tượng gió phơn Tây Nam thổi mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là do sự có mặt của:

A. Dải đồng bằng hẹp ven biển.

B. Dãy núi Trường Sơn Bắc.

C. Dãy núi Bạch Mã.

D. Dãy núi Hoàng Sơn chạy theo hướng Bắc-Nam.

Câu 18: Tây nguyên có vị trí địa lí chiến lược như thế nào?

A.Phía Nam bán đảo Đông Dương

B.Ngã 3 biên giới: Tây nguyên- Hạ Lào- campuchia

C. Giaolưu kinh tế với các tiểu vùng sông mêkông

D. Tất cả A,B,C đúng

Câu 19: Tây Nguyên là đầu nguồn các sông lớn:

A.Sông Xêxan, BrêPôc, Ba, Đồng Nai

B. Sông Xêxan, BrêPôc, Ba, Đa Nhim

C. Cả A,B đúng

D. Cả A,B sai

Câu 20: Tây nguyên là cao nguyên có địa hình nổi bật:

A.Xếp tầng

B.Đất đỏ badan

C. A, B sai

D. A,B đúng

Câu 21: Tây nguyên có tiềm năng lớn phát triển kinh tế là:

A.Đất, rừng, nước

B.Khoáng sản, khí hậu

C. Đa dạng sinh học

D. Cả A,B,C đúng

Câu 22: Các Vườn quốc gia Tây nguyên:

A. Yok Đôn, Chư Yang Sin, Kon Kả Kinh, Chư Mom Rây

B. Yok Đôn, Chư Yang Sin, Kon Kả Kinh, Nam Cát Tiên.

C. Cả A,B sai.

D. C ả A,B đúng.

B/ LÝ THUYẾT

Câu 1: Hãy cho biết các điều kiện tự nhiên của miền núi Bắc Bộ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của vùng?

- Địa hình: Bị chia cắt sâu sắc do tác động nội lực và ngoại lực làm trở ngại lớn cho việc giao thông, đi lại.

-Thời tiết: Diễn biến thất thường gây khó khăn không ít cho giao thông vận tải, tổ chức sản xuất và đời sống nhất là ở vùng cao và biên giới.

- Khoáng sản: Có nhiều loại phân bố khá tập trung nhưng trữ lượng nhỏ, điều kiện khai thác phức tạp.

Đất trống đồi trọc khá nhiều, bị xói mòn, sạt lỡ, lũ quét…do việc chặt phá rừng bừa bãi gây nên.

Câu 2:Đặc điểm tự nhiên vùng Duyên hải Nam trung Bộ, những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của vùng:

- Đặc điểm:các tỉnh đều có núi, gò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp phía đông bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đâm ngang sát biển, bờ biển khúc khủy có nhiều vũng vịnh.

- Thuận lợi:Vùng ven biển, các đảo có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển. Đất nông nghiệp ở đồng bằng ven biển thích hợp trồng cây lượng thực, cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đất rừng chân núi chăn nuôi gia súc lớn. Khoáng sản có giá trị: cát thủy tinh, titan, vàng…

- Khó khăn: hạn hán kéo dài, mưa bão, nguy cơ sa mạc hóa…

Câu 3:Đặc điểm tự nhiên vùng Tây Nguyên, những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của vùng:

- Đặc điểm: Có địa hình cao nguyên xếp tầng: Kon Tum, Plây Ku, Đăk Lăc, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.

- Thuận lợi:

+ Đất ba dan chiếm diện tích lớn nhất cả nước

+ Rừng tự nhiên còn khá nhiều

+ Khí hậu cận XĐ

+ Trữ năng thủy điện khá lớn

+ Khoáng sản: Bô xít trữ lượng lớn

=> TNTN phong phú, thuận lợi phát triển kinh tế đa ngành.

- Khó khăn: thiếu nước vào mùa khô.

C/ KĨ NĂNG:

Câu 1: Hãy xếp các trung tâm công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ lớn đến bé. Kể tên các ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp rất lớn và lớn.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế của nước ta, giai đoạn 2000 – 2017 (đơn vị: %)

Năm	Nông – lâm - thủy sản	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2000	24,5	36,7	38,8
2010	19,0	38,2	42,8
2017	15,3	33,3	51,4

a. Vẽ biểu đồ hình tròn biểu hiện cơ cấu tổng sản phẩm phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2000 và năm 2017.

b. Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2000 – 2017.

Câu 3: Chủ đề Ngày Thế giới chống sa mạc hóa, khô hạn năm 2020 của Việt Nam là "Tiêu dùng và đất đai," nhấn mạnh đến những nỗ lực và giải pháp, mô hình góp phần ngăn chặn, hạn chế tình trạng hạn hán.

Hiện, Việt Nam có khoảng 7,6 triệu ha đất đang chịu tác động của thoái hóa, hoang hóa dẫn tới sa mạc hóa. Miền Trung cũng có khu vực đất đai bị thoái hóa trên tiến trình trở thành hoang địa cằn cỗi. Tình trạng sa mạc hóa ngày càng diễn ra nhanh chóng đến mức báo động. Tây Bắc, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ là 3 khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất của thực trạng này. Quá trình sa mạc hóa tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế - xã hội, cuộc sống của người dân.

Việt Nam xuất hiện hiện tượng sa mạc hóa cục bộ ở các dải cát hẹp trải dài dọc theo bờ biển miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Thuận là nơi có diện tích sa mạc hóa lớn nhất cả nước. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi còn nhiều vùng đồi núi trọc đang bị mưa lũ làm lở đất, xói mòn và suy thoái đến khô cằn hoang mạc. Đây là những vấn đề đáng lo ngại, là thách thức lớn đối với nền nông nghiệp hiện nay.

Ngoài phá rừng, đốt cây cỏ làm nương rẫy, khai thác bừa bãi các mỏ quặng, mỏ than cũng gây ra sa mạc hóa cục bộ. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng khiến mỗi năm chúng ta mất trên 100.000 ha đất nông nghiệp loại tốt, chủ yếu là đất lúa ở các tỉnh đồng bằng. Và Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có ít đất nông nghiệp nhất trên thế giới - đứng thứ 159 thế giới từ năm 2002.

Rõ ràng, nếu không có cách ứng xử kịp thời và hiệu quả thì tần suất và mức độ của hoang mạc hóa, sa mạc hóa ở Việt Nam sẽ còn diễn biến phức tạp, gây mối đe dọa lớn cho đất đai nông nghiệp và tác động đến vấn đề tranh chấp, khiếu kiện về đất đai - hiện là một trong những vấn đề "nóng" nhất.Hệ lụy từ mất rừng tự nhiên. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đất đai ngày càng sa mạc hóa chủ yếu là mất rừng tự nhiên. Mặc dù, Tây Nguyên là một trong 4 vùng có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất nước nhưng liên tục bị thu hẹp do khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy. Đặc biệt, dân số nước ta tăng nhanh tạo sức ép thiếu đất sản xuất. Đất đai bị sa mạc hóa làm cho diện tích rừng liên tục giảm, đất sản xuất bị thu hẹp.

Điều này dẫn đến chất lượng cuộc sống, môi trường sống ngày càng xấu đi. Sản xuất trên diện tích đất thoái hóa cây trồng khó phát triển, chi phí đầu tư cao tác động và gây thiệt hại trực tiếp đến nông dân. Phần lớn những người sống gần rừng có cuộc sống thiếu thốn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số phương thức canh tác lạc hậu nên đất đai dễ bị bạc màu, thoái hóa. Do đời sống của người dân còn nghèo khó, vì mưu sinh nên họ bất chấp lén lút phá rừng làm nương rẫy. Sự phát triển kinh tế thiếu quy hoạch, không đồng bộ ở nhiều vùng, việc di dân khó kiểm soát, mất rừng làm cho sa mạc hóa, hoang mạc hóa ngày càng nhanh đe dọa sự phát triển bền vững.

Việt Nam đã tham gia Công ước Quốc tế về phòng - chống sa mạc hóa nhằm nâng cao đời sống cho cộng đồng dân cư. Để giải quyết tình trạng này, giải pháp hiệu quả nhất là trồng rừng khôi phục lại diện tích bị tàn phá. Chương trình Mục tiêu quốc gia hành động chống sa mạc hóa được chính thức ban hành từ năm 2006.

Thực tế cho thấy, việc thực hiện mục tiêu này mất khá nhiều thời gian, công sức và gặp không ít khó khăn. Nhận thức của người dân chưa cao, chính sách ưu đãi của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương chưa đủ hấp dẫn để kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế… Vì vậy, chương trình chống sa mạc hóa rất cần sự chung sức của cả cộng đồng.

a/ Hiện trạng sa mạc hóa ở Việt Nam?

b/ Nguyên nhân?

----------Hết----------